

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2019

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

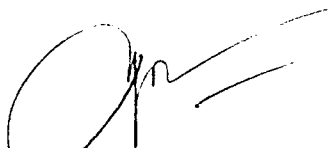
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

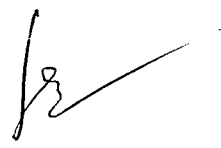
**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2019**

<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KỶ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ IV NĂM 2019	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ IV NĂM 2019	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ IV NĂM 2019	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ IV NĂM 2019	5-21

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Hương


TỔNG GIÁM ĐỐC

Wương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

QUÝ IV NĂM 2019

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2019	NGÀY 01/01/2019
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.811.351.678	126.983.950.047
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	18.012.704.619	27.652.496.804
1 - Tiền	111		18.012.704.619	27.652.496.804
2 - Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	-	-
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.435.284.146	41.526.010.173
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	34.885.665.848	31.677.696.447
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.748.996.287	621.963.795
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.098.296.889	17.997.012.259
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(10.297.674.878)	(8.770.662.328)
IV - Hàng tồn kho	140		31.532.448.890	42.121.788.783
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	31.532.448.890	42.121.788.783
2 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		12.830.914.023	15.683.654.287
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.053.768.942	2.960.822.434
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.401.882.759	4.347.569.531
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.375.262.322	8.375.262.322
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		499.319.125.474	573.036.241.591
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II - Tài sản cố định	220		472.254.781.761	558.537.150.107
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	472.254.781.761	558.537.150.107
- Nguyên giá	222		1.474.659.127.438	1.535.354.033.020
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.002.404.345.677)	(976.816.882.913)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		238.654.500	238.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(238.654.500)	(238.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	413.979.660	-
- Nguyên giá	231		6.636.446.595	5.785.803.477
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(6.222.466.935)	(5.785.803.477)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	763.686.291	589.338.109
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		763.686.291	589.338.109
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.308.029.805	4.306.829.805
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	5.998.468.525	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.690.438.720)	(1.691.638.720)
V - Tài sản dài hạn khác	260		21.578.647.957	9.602.923.570
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	21.578.647.957	9.602.923.570
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		609.130.477.152	700.020.191.638

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

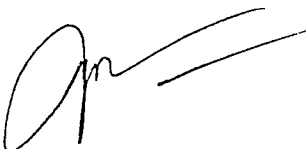
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2019	NGÀY 01/01/2019
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		543.601.935.969	666.221.298.252
I - Nợ ngắn hạn	310		265.001.543.593	280.203.313.920
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	56.414.358.799	73.891.749.073
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	7.672.550.000
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	39.508.724	40.575.445
4 - Phải trả người lao động	314		13.759.724.744	12.315.614.258
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.434.754.003	2.761.887.590
6 - Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7 - Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	58.129.869	14.290.280.687
9- Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	37.533.286.162	28.500.849.577
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	151.510.134.192	137.682.493.190
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.251.647.100	3.047.314.100
II - Nợ dài hạn	330		278.600.392.376	386.017.984.332
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	65.065.832.376	100.164.979.332
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	213.534.560.000	285.853.005.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		65.528.541.183	33.798.893.386
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	65.528.541.183	33.798.893.386
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(217.404.180.671)	(249.133.828.468)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(220.021.593.029)	(281.360.367.257)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.617.412.358	32.226.538.789
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		609.130.477.152	700.020.191.638

Lập ngày 15 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

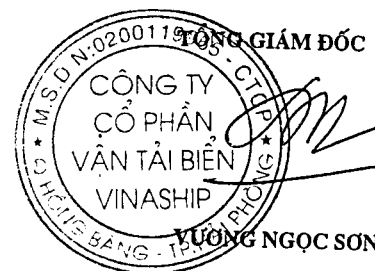


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



KƯƠNG NGỌC SON

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số : B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

QUÝ IV NĂM 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ IV NĂM 2019		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ IV	
			QUÝ IV NĂM 2019	QUÝ IV NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2018
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	166.588.885.003	216.013.353.608	697.653.441.344	765.279.656.539
2- Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	166.588.885.003	216.013.353.608	697.653.441.344	765.279.656.539
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	174.256.420.462	211.708.897.371	671.089.649.129	729.763.679.661
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(7.667.535.459)	4.304.456.237	26.563.792.215	35.515.977.278
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	376.089.103	1.914.366.203	1.727.130.440	5.911.876.494
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	5.932.381.884	5.533.048.911	22.826.061.475	38.267.358.339
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		5.906.243.726	5.239.235.974	21.245.959.241	28.964.930.785
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	2.576.736.662	4.470.788.569	10.929.779.749	13.230.837.590
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	7.264.268.650	13.537.774.718	23.679.986.174	29.967.034.224
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)	30		(23.064.833.552)	(17.322.789.758)	(29.144.904.743)	(40.037.376.281)
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	26.075.294.631	34.810.178.373	62.091.711.655	83.810.367.198
12 - Chi phí khác	32	VI.31	393.048.721	9.090.911	1.217.159.115	11.546.452.028
13 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		25.682.245.910	34.801.087.462	60.874.552.540	72.263.915.170
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		2.617.412.358	17.478.297.704	31.729.647.797	32.226.538.789
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		2.617.412.358	17.478.297.704	31.729.647.797	32.226.538.789
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		131	874	1.586	1.611
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		131	874	1.586	1.611

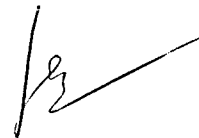
Lập ngày 15 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP

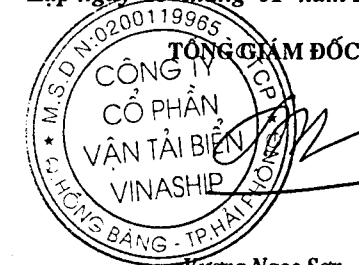


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số : B03 -DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ IV NĂM 2019

Đơn vị tính : đồng

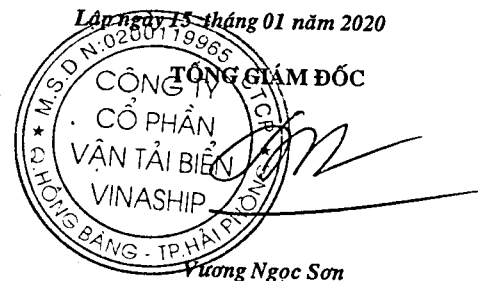

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			NĂM 2019	NĂM 2018
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		703.550.927.360	793.247.354.914
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(561.254.002.291)	(588.151.954.724)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03		(82.132.016.293)	(75.493.628.948)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04		(7.863.165.549)	(3.765.638.055)
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		11.219.962.601	29.449.306.229
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31.213.894.677)	(49.587.685.570)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		32.307.811.151	105.697.753.846
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.273.460.423)	(1.768.780.909)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		19.190.363.637	29.149.986.273
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.554.993.400
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.086.142	839.664.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.955.989.356	38.775.863.415
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII	15.390.000.000	5.120.000.000
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII	(73.787.975.171)	(146.896.720.700)
5 - Tiền chi trả nợ thuê tài chính			-	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.897.975.171)	(141.776.720.700)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(9.634.174.664)	2.696.896.561
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		27.652.496.804	25.000.672.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.617.521)	(45.072.479)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		18.012.704.619	27.652.496.804

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 15 tháng 01 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

 Vương Ngọc Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

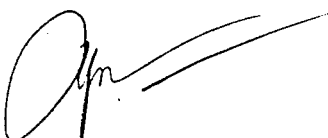
(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ IV NĂM 2019

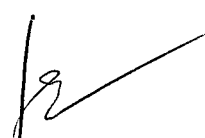
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			NĂM 2019	NĂM 2018
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		31.729.647.797	32.226.538.789
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		86.999.306.696	94.142.956.185
- Các khoản dự phòng	03		1.525.812.550	7.453.103.869
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(158.123.666)	3.738.163.687
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư				
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.933.255.548)	8.744.846.691
- Chi phí lãi vay	06		21.245.959.241	28.964.930.785
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(35.000.000.000)	(83.809.618.733)
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		80.409.347.070	91.460.921.273
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.493.747.370)	14.061.775.052
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.589.339.893	(5.249.994.478)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(33.469.624.998)	(10.407.436.844)
- Tăng, giảm chi phí trả trước				
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	12		(11.068.670.895)	28.921.525.726
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.863.165.549)	(3.765.638.055)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(795.667.000)	(9.323.398.828)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.307.811.151	105.697.753.846
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.273.460.423)	(1.768.780.909)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		19.190.363.637	29.149.986.273
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	10.554.993.400
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.086.142	839.664.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.955.989.356	38.775.863.415
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VII	15.390.000.000	5.120.000.000
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VII	(73.787.975.171)	(146.896.720.700)
5 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.897.975.171)	(141.776.720.700)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(9.634.174.664)	2.696.896.561
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		27.652.496.804	25.000.672.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.617.521)	(45.072.479)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		18.012.704.619	27.652.496.804

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY IV NĂM 2019

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51%

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN dịch vụ vận tải tại số địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã giải thể theo quyết định số 396/QĐ-HĐQT/VNS ngày 26/09/2019 và đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục.

XN xếp dỡ vận tải và dịch vụ tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 524 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý IV năm 2019 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :

Hoạt động vận tải biển của Công ty trong quý 4/2019 vẫn chưa thoát khỏi khó khăn do diễn biến đi xuống của thị trường vận tải tàu hàng khô quốc tế. Giữa 2 thời điểm đầu và cuối quý 4, giá cước tàu hàng khô có biến động giảm mạnh hơn một nửa. Nguồn hàng chở thuê và xuất nhập khẩu của đội tàu cũng khá yếu, dẫn đến một số tàu phải đan xen vận chuyển hàng nội địa giá cước thấp và rủi ro chờ đợi xếp dỡ hàng nên kết quả kinh doanh không tốt. Tuy nhiên, nhờ kết hợp tốt chân hàng vận chuyển khiến cự ly chạy rộng ít nên một số tàu có kết quả khả quan về cuối năm, giúp doanh thu đội tàu ổn định, cao hơn kế hoạch quý và cao hơn các quý đầu năm. Song, theo công ước quốc tế Marplo về ngăn ngừa ô nhiễm dầu, kể từ 01/01/2020 chuyển đổi sử dụng dầu có hàm lượng lưu huỳnh cao (3,5%) sang dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,5%) nên giá nhiên liệu có biến động tăng đáng kể dẫn đến kết quả đội tàu không đạt hiệu quả như kỳ vọng.

Trong kỳ, Công ty hạch toán một khoản thu nhập từ việc tái cơ cấu tài chính với các tổ chức tín dụng.

II – KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- 1- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý IV năm 2019 bắt đầu từ ngày 01/10/2019 đến 31/12/2019.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được qui đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan.

Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	<u>Ngày 31/12/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
1- Tiền		
- Tiền mặt	1.215.656.977	448.001.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.797.047.642	27.204.495.804
Cộng	<u><u>18.012.704.619</u></u>	<u><u>27.652.496.804</u></u>
2- Các khoản đầu tư tài chính		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.998.468.525	5.998.468.525
- Đầu tư cổ phiếu	5.998.468.525	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/06/2019</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 516.553 CP	4.185.040.000	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	1.276.000.000	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
Cộng	<u><u>5.998.468.525</u></u>	<u><u>5.998.468.525</u></u>
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	(1.177.000.000)	(1.178.200.000)
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(513.438.720)	(513.438.720)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	-	-
Cộng	<u><u>(1.690.438.720)</u></u>	<u><u>(1.691.638.720)</u></u>
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/01/2019
- Cty CP Xi măng Cẩm Phả	-	2.934.397.400
- Cty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	5.731.682.434	6.663.041.156
- Cty TNHH Đầu tư và TM Quốc tế Gia Nguyễn	4.425.936.150	-
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	24.728.047.264	22.080.257.891
Cộng	<u><u>34.885.665.848</u></u>	<u><u>31.677.696.447</u></u>
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/01/2019
- Tạm ứng	4.050.372.615	4.646.501.248
- Ký cược, ký quỹ	-	40.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	834.844.398	2.298.837.062
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-BH tai nạn	8.621.886	-
- Bảo hiểm xã hội	200.534.141	1.479.674.168
- Bảo hiểm y tế	-	9.462.967
- Bảo hiểm thất nghiệp	31.963.151	174.062.381

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09-DN

- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	-
- Các khoản chi hộ	1.055.646.198	1.196.468.840
- Các khoản phải thu khác	589.871.513	809.518.019
+ Phải thu khác	589.871.513	809.518.019
Cộng	17.098.296.889	17.997.012.259
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/01/2019
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
-Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	96.689.200	-
- Cty TNHH TMDV XNK Phan Thành Phát	49.672.750	-
-Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	773.453.800	-
-Nguyễn Văn Bình	259.350.000	-
-Cty TNHH thương mại vận tải Việt Dũng	347.846.800	-
Cộng	10.297.674.878	8.770.662.328
6- Hàng tồn kho	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/01/2019
- Nguyên liệu, vật liệu	30.674.324.550	39.991.386.778
- Chi phí dịch vụ dở dang	656.398.374	1.910.834.647
- Hàng hoá	201.725.966	219.567.358
Cộng	31.532.448.890	42.121.788.783
7- Xây dựng cơ bản dở dang	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/01/2019
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	671.729.091	674.729.091
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Cộng	763.686.291	589.338.109

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng, giảm tài sản cố định như hình năm 2019

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ		24.857.917.875	1.510.031.208.202	130.752.694	334.154.249	1.535.354.033.020
2. Số tăng trong kỳ		46.958.605	2.052.153.636	-	-	2.099.112.241
Trong đó :						
- Do mua sắm		46.958.605	2.052.153.636			2.099.112.241
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3. Số giảm trong kỳ		850.643.118	61.943.374.705	-	-	62.794.017.823
Trong đó :						
- Thanh lý, nhượng bán			61.943.374.705			61.943.374.705
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư		850.643.118				850.643.118
4. Số cuối kỳ		24.054.233.362	1.450.139.987.133	130.752.694	334.154.249	1.474.659.127.438
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.713.597.924	156.642.930.194	100.752.694	334.154.249	160.791.435.061
- Chờ thanh lý						
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ						
1. Đầu kỳ		15.266.162.695	961.109.740.662	111.328.735	329.650.821	976.816.882.913
2. Tăng trong kỳ		1.000.920.165	85.964.078.094	4.285.716	4.503.428	86.973.787.403
- Khấu hao		1.000.920.165	85.964.078.094	4.285.716	4.503.428	86.973.787.403
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
3. Giảm trong kỳ		411.144.165	60.975.180.474	-	-	61.386.324.639
- Thanh lý, nhượng bán			60.975.180.474			60.975.180.474
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư		411.144.165				411.144.165
4. Số cuối kỳ		15.855.938.695	986.098.638.282	115.614.451	334.154.249	1.002.404.345.677
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		9.591.755.180	548.921.467.540	19.423.959	4.503.428	558.537.150.107
2. Cuối kỳ		8.198.294.667	464.041.348.851	15.138.243	-	472.254.781.761
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			461.016.031.482			461.016.031.482

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

9- Tăng , giảm tài sản cố định vô hình năm 2019

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2 . Số tăng trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
4 . Số cuối kỳ	-	238.654.500	238.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2 . Tăng trong kỳ	-	-	-
Do trích khấu hao	-	-	-
3 . Giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	-	238.654.500	238.654.500
III - Giá trị còn lại			
1 . Đầu kỳ	-	-	-
2 . Cuối kỳ	-	-	-

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính năm 2019: Không có

11 - Tăng , giảm bất động sản đầu tư năm 2019

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
2 . Số tăng trong kỳ	850.643.118	-	850.643.118
- Do chuyển từ TSCĐ sang	850.643.118	-	850.643.118
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số dư cuối kỳ	6.508.156.449	128.290.146	6.636.446.595
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Số dư đầu kỳ	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
2 . Số tăng trong kỳ	436.663.458	-	436.663.458
- Do chuyển từ TSCĐ sang	411.144.165	-	411.144.165
- Do trích khấu hao	25.519.293	-	25.519.293
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	6.094.176.789	128.290.146	6.222.466.935
III - Giá trị còn lại			
1 . Số dư đầu kỳ	-	-	-
4 . Số dư cuối kỳ	413.979.660	-	413.979.660

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	<u>Ngày 31/12/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.053.613.742	2.888.986.170
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	155.200	71.836.264
Cộng	<u>2.053.768.942</u>	<u>2.960.822.434</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	21.578.647.957	9.602.923.570
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>21.578.647.957</u>	<u>9.602.923.570</u>
 14- Vay và nợ thuê tài chính		
a) Vay ngắn hạn	34.100.000.000	26.680.000.000
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	34.100.000.000	26.680.000.000
b) Vay dài hạn	330.944.694.192	396.855.498.190
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	117.410.134.192	111.002.493.190
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	32.955.000.000	14.410.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	67.648.109.363	46.342.493.190
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	16.807.024.829	50.250.000.000
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	213.534.560.000	285.853.005.000
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	56.755.450.000	87.175.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	147.529.110.000	168.927.555.000
+ Nợ dài hạn DATC	9.250.000.000	29.750.000.000
Cộng	<u>365.044.694.192</u>	<u>423.535.498.190</u>
 15- Phải trả người bán		
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	<u>Ngày 31/12/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
Cockett Marine Oil	-	6.920.017.748
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	8.481.089.570	12.183.437.670
Bunkers Marine Pte Ltd	-	9.594.630.600
Cty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	12.348.134.764	8.047.248.350
Phải trả các đối tượng khác	35.585.134.465	24.118.488.536
Cộng	<u>56.414.358.799</u>	<u>73.891.749.073</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	<u>Ngày 31/12/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
a) Phải nộp		
- Thuế GTGT	-	5.198.565
- Thuế thu nhập cá nhân	39.508.724	35.376.880
Cộng	<u><u>39.508.724</u></u>	<u><u>40.575.445</u></u>
b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	8.374.144.917	8.374.144.917
- Thuế GTGT nộp thừa	1.117.405	1.117.405
Cộng	<u><u>8.375.262.322</u></u>	<u><u>8.375.262.322</u></u>
17- Chi phí phải trả	<u>Ngày 31/12/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	208.456.320	201.674.781
- Chi phí phải trả khác	3.226.297.683	2.560.212.809
	<u><u>3.434.754.003</u></u>	<u><u>2.761.887.590</u></u>
18- Phải trả khác	<u>Ngày 31/12/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	454.576.050	660.761.112
- Kinh phí công đoàn	756.186.623	1.362.124.222
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	89.469.762	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	7.240.234	7.240.234
- Thuế TNCN	35.339.868	107.837.388
- Phải trả về cổ phần hóa	-	1.801.379.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.525.305.000	10.025.305.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.934.534.549	3.160.496.716
- Phải trả lãi vay công ty mua bán nợ VN (DATC)	5.025.148.083	4.124.383.562
- Phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1.723.289.528	-
- Phải trả lãi vay các ngân hàng TMCP	17.344.654.992	6.526.700.738
- Khoản thu đòi bồi thường di dời trụ sở	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	637.541.473	724.620.899
Cộng	<u><u>37.533.286.162</u></u>	<u><u>28.500.849.577</u></u>
Dài hạn		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	16.878.776.370	16.977.923.326
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	48.187.056.006	83.187.056.006
Cộng	<u><u>65.065.832.376</u></u>	<u><u>100.164.979.332</u></u>
19- Doanh thu chưa thực hiện	<u>Ngày 31/12/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	58.129.869	14.290.280.687
Cộng	<u><u>58.129.869</u></u>	<u><u>14.290.280.687</u></u>
20- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 12 tháng năm 2019**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi năm 2018				32.226.538.789	32.226.538.789
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(249.133.828.468)	33.798.893.386
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(249.133.828.468)	33.798.893.386
-Lãi 09 tháng				29.112.235.439	29.112.235.439
- Lãi Quý IV				2.617.412.358	2.617.412.358
Số dư cuối ngày 31/12/2019	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(217.404.180.671)	65.528.541.183

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:	<u>Ngày 31/12/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/03/2019</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VĐL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông Nguyễn Quang Dũng 5,17%	10.349.500.000	10.349.500.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 43,83 % VĐL	87.650.500.000	87.650.500.000
Cộng	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>

d) Cổ phiếu

	<u>Ngày 31/12/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP

đ) Cổ tức**e) Các quỹ của doanh nghiệp :**

- Quỹ đầu tư phát triển	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	-	-
+ Số dư quỹ cuối năm	<u><u>82.932.721.854</u></u>	<u><u>82.932.721.854</u></u>

23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại	<u>Ngày 31/12/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	307.442,76	637.146,21

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	697.653.441.344	765.279.656.939
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	512.125.879.395	628.505.218.854
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	185.527.561.949	136.774.438.085
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)	<u>697.653.441.344</u>	<u>765.279.656.939</u>
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	490.150.029.279	597.730.425.382
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	180.939.619.850	132.033.254.279
Cộng	<u>671.089.649.129</u>	<u>729.763.679.661</u>
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39.086.142	799.657.451
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.524.303.111	5.112.211.843
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	163.741.187	-
Cộng	<u>1.727.130.440</u>	<u>5.911.876.494</u>
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
- Chi phí lãi vay	21.245.959.241	28.964.930.785
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.580.846.251	5.453.306.522
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	3.738.163.687
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	110.616.295
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(1.200.000)	-
- Chi phí tài chính khác	455.983	341.050
Cộng	<u>22.826.061.475</u>	<u>38.267.358.339</u>
30- Thu nhập khác	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	25.894.169.406	-
- Thu nhập từ khoản bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng	-	6.345.004.007
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay ngân hàng	-	77.464.614.726
- Các khoản khác	1.197.542.249	748.465
Cộng	<u>62.091.711.655</u>	<u>83.810.367.198</u>
31- Chi phí khác	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
- Chênh lệch lỗ khi nhượng bán TSCĐ	-	9.544.511.342
- Phạt chậm nộp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp	17.920	1.848.118.899
- Các khoản bị phạt	62.735.682	2.100.000
- Các khoản khác	1.154.405.513	151.721.787
Cộng	<u>1.217.159.115</u>	<u>11.546.452.028</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2019	Năm 2018
a) Chi phí bán hàng	10.929.779.749	13.230.837.590
Hoa hồng phí cho các tàu	10.929.779.749	13.230.837.590
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.679.986.174	29.967.034.224
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.734.389.263	1.202.150.017
Chi phí nhân công	15.847.910.012	15.803.500.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	407.590.942	323.370.252
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	27.082.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.291.527.550	7.342.487.574
Chi phí hoàn nhập dự phòng	(764.515.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.048.243.079	4.113.718.512
Chi phí khác bằng tiền	1.109.840.328	1.154.724.996
Cộng	34.609.765.923	43.197.871.814
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :	Năm 2019	Năm 2018
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.705.766.679	266.159.835.758
- Nhiên liệu	194.324.742.674	222.092.860.754
- Nguyên liệu, vật liệu	35.381.024.005	44.066.975.004
33.2- Chi phí nhân công	92.341.074.637	91.229.561.459
- Tiền lương	80.053.850.030	75.610.428.607
- BHXH	2.305.541.700	5.671.512.527
- Bảo hiểm y tế	804.212.583	637.652.152
- Bảo hiểm thất nghiệp	372.310.232	324.282.645
- Kinh phí công đoàn	568.473.092	647.971.028
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	8.236.687.000	8.337.714.500
33.3- Chi phí trích lập dự phòng	1.527.012.550	7.342.487.574
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.999.306.696	94.142.956.185
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	285.558.081.822	305.732.047.966
33.6- Chi phí khác bằng tiền	7.159.074.850	6.443.827.886
Cộng	703.290.317.234	771.050.716.828

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2019	Năm 2018
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	15.390.000.000	5.120.000.000
- Tiền thu từ đi vay	15.390.000.000	5.120.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	73.787.975.171	146.896.720.700
- Tiền trả nợ gốc vay	73.787.975.171	146.896.720.700

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**3) NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý	Ngày 31/12/2019	Ngày 01/01/2019
Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam		
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	8.900.000.000	9.400.000.000
- Phải trả về cổ phần hóa Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	-	1.801.379.706
	Năm 2019	Năm 2018
- Phải thu của người mua Tổng cty Hàng hải VN	-	-
Phát sinh trong kỳ:		
Đã thu trong kỳ	5.043.019.200	3.187.500.000
- Phải trả người bán Tổng cty Hàng hải VN	-	-
Phát sinh trong kỳ:	-	3.000.000
Đã trả trong kỳ:	-	3.000.000
THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1.976.150.808	1.784.859.928

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý IV năm 2019	Năm 2019	Quý IV năm 2018	Năm 2018
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	130.484.483.297	512.125.879.395	164.237.694.412	628.505.218.854
- Chi phí	149.888.653.913	524.699.592.652	178.763.233.696	639.034.247.877
- Lợi nhuận	(19.404.170.616)	(12.573.713.257)	(14.525.539.284)	(10.529.029.023)
Thuê tàu biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	3.197.562.500	2.662.723.773	13.000.761.500
- Chi phí	-	3.092.850.000	2.607.005.954	12.509.327.954
- Lợi nhuận	-	104.712.500	55.717.819	491.433.546
Hoạt động xếp dỡ giao nhận container				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	10.051.123.847	36.797.323.900	8.417.110.331	24.774.601.949
- Chi phí	9.845.280.860	35.958.125.703	8.296.409.824	24.125.528.512
- Lợi nhuận	205.842.987	839.198.197	120.700.507	649.073.437
Hoạt động DV nâng hạ Container				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	-	-	100.416.772
- Chi phí	-	-	-	476.318.149
- Lợi nhuận	-	-	-	(375.901.377)
Hoạt động Đại lý tàu biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	40.622.727	13.980.000	77.632.998
- Chi phí	-	18.115.381	-	7.558.117
- Lợi nhuận	-	22.507.346	13.980.000	70.074.881
Đại lý giao nhận, vận tải hàng Cont				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	118.363.640	9.426.159.620	4.387.126.454	17.954.881.724
- Chi phí	(637.892.860)	8.818.438.459	4.386.444.549	18.800.897.150
- Lợi nhuận	756.256.500	607.721.161	681.905	(846.015.426)
Hoạt động cho thuê văn phòng và nhà làm việc				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	476.403.480	1.930.568.748	399.625.527	1.752.722.137
- Chi phí	86.055.431	269.116.336	104.457.000	213.334.000
- Lợi nhuận	390.348.049	1.661.452.412	295.168.527	1.539.388.137
Hoạt động thương mại				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	20.959.200	1.208.161.801	848.628.200	3.782.080.729
- Chi phí	20.271.482	1.125.111.545	858.533.479	3.608.833.334
- Lợi nhuận	687.718	83.050.256	(9.905.279)	173.247.395

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý IV năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

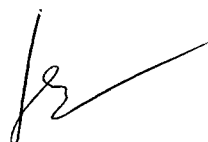
Các hoạt động	Quý IV năm 2019	Năm 2019	Quý IV năm 2018	Năm 2018
Hoạt động dịch vụ vận tải hàng rời (BQL)				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	22.170.327.739	123.423.460.326	31.692.487.735	64.690.600.870
- Chi phí	21.798.615.407	122.080.821.869	31.363.008.970	63.693.947.487
- Lợi nhuận	371.712.332	1.342.638.457	329.478.765	996.653.383
Hoạt động dịch vụ vận tải hàng cont (BQL)				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	2.435.140.968	2.605.974.541	6.791.177.423
- Chi phí	-	2.418.123.702	2.515.787.340	6.755.629.025
- Lợi nhuận	-	17.017.266	90.187.201	35.548.398
Hoạt động SXKD khác				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	673.466.800	4.474.804.359	748.002.635	3.849.561.983
- Chi phí	547.168.161	4.669.846.025	822.579.846	3.735.929.870
- Lợi nhuận	126.298.639	(195.041.666)	(74.577.211)	113.632.113
Hoạt động DVVT hàng cont (Tổ DV)				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.593.757.000	2.593.757.000	-	-
- Chi phí	2.549.273.380	2.549.273.380	-	-
- Lợi nhuận	44.483.620	44.483.620	-	-
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	376.089.103	1.727.130.440	1.914.366.203	5.911.876.494
- Chi phí tài chính	5.932.381.884	22.826.061.475	5.533.048.911	38.267.358.339
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(5.556.292.781)	(21.098.931.035)	(3.618.682.708)	(32.355.481.845)
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	26.075.294.631	62.091.711.655	34.810.178.373	83.810.367.198
- Chi phí hoạt động khác	393.048.721	1.217.159.115	9.090.911	11.546.452.028
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	25.682.245.910	60.874.552.540	34.801.087.462	72.263.915.170

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn